



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

Số: 40../2026/CQN-TK

V/v công bố thông tin báo cáo tài chính
quý 4 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
Mã chứng khoán : CQN
Địa chỉ trụ sở chính : Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 0203 6283288
Website : www.quangninhport.com.vn
Người thực hiện công bố thông tin : Ông Hoàng Trọng Tùng – Tổng giám đốc
Loại công bố thông tin: Định kỳ

1. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý 4 năm 2025 (Báo cáo tài chính quý 4 năm 2025 kèm theo).

2. Thông tin nói trên được Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh công bố trên website của Công ty: www.quangninhport.com.vn vào ngày 20/01/2026.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin nói trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Trọng Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

Số: 41./2026/CQN-TK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

- Mã chứng khoán: CQN

- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại liên hệ: 0203 6283288.

- Email: qnp@quangninhport.com.vn

Website: www.quangninhport.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC quý 4 năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2026 tại đường dẫn www.quangninhport.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *huc*

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 4 năm 2025;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
Hoàng Trọng Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

**Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tỉnh
Quảng Ninh**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV/2025

Mục lục	Trang
- Bảng cân đối kế toán quý IV năm 2025	1 - 2
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV năm 2025	3 - 4
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý IV năm 2025	5
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý IV năm 2025	6 - 26

Tháng 01 Năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		459.439.928.877	465.506.706.653
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	47.352.779.426	27.984.990.271
Tiền	111		47.352.779.426	27.984.990.271
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250.000.000.000	185.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	250.000.000.000	185.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.135.637.290	208.858.346.656
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	62.368.345.445	171.232.797.526
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.003.774.826	6.535.816.902
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		47.700.000.000	-
Các khoản phải thu khác	136	5.4	10.866.305.257	41.127.775.260
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(8.802.788.238)	(10.038.043.032)
Hàng tồn kho	140	5.6	40.645.968.481	40.471.841.294
Hàng tồn kho	141		40.645.968.481	40.471.841.294
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.305.543.680	3.191.528.432
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	2.330.467.352	2.064.377.512
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.13	3.975.076.328	1.127.150.920
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		743.740.384.181	671.691.016.832
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		95.009.452.177	122.968.220.769
TSCĐ hữu hình	221	5.8	95.009.452.177	122.948.304.508
- Nguyên giá	222		612.415.749.698	625.663.798.373
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(517.406.297.521)	(502.715.493.865)
TSCĐ vô hình	227	5.9	-	19.916.261
- Nguyên giá	228		4.230.060.000	4.230.060.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.230.060.000)	(4.210.143.739)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	36.601.369.901	36.860.189.825
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36.601.369.901	36.860.189.825
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	592.847.231.078	485.822.687.067
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.207.213.772	2.207.213.772
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		609.991.442.351	506.586.442.351
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(19.351.425.045)	(22.970.969.056)
Tài sản dài hạn khác	260		19.282.331.025	26.039.919.171
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	19.282.331.025	26.039.919.171
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.203.180.313.058	1.137.197.723.485

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
NỢ PHẢI TRẢ	300		178.600.353.095	158.122.102.610
Nợ ngắn hạn	310		178.600.353.095	158.122.102.610
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	25.857.955.350	20.406.538.860
Người mua trả tiền trước	312		4.283.197.972	1.553.505.238
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	13.127.146.659	8.381.604.586
Phải trả người lao động	314		54.533.057.139	54.206.203.154
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	4.139.902.771	1.054.854.681
Doanh thu chưa thực hiện	318		1.046.422.887	1.130.319.758
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	68.667.437.740	65.326.357.698
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.945.232.577	6.062.718.635
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.024.579.959.963	979.075.620.875
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	1.024.579.959.963	979.075.620.875
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750.499.360.000	750.499.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.499.360.000	750.499.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		87.099.700.000	87.099.700.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		186.980.899.963	141.476.560.875
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		52.676.624.875	22.264.657.503
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		134.304.275.088	119.211.903.372
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.203.180.313.058	1.137.197.723.485

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Quỳnh

Vũ Mạnh Duy

Hoàng Trọng Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV (Dạng đầy đủ)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	195.998.329.658	196.056.755.580	702.167.879.096	662.274.555.759
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		195.998.329.658	196.056.755.580	702.167.879.096	662.274.555.759
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	157.363.910.013	155.738.639.655	497.531.866.506	467.313.037.335
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		38.634.419.645	40.318.115.925	204.636.012.590	194.961.518.424
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.537.192.826	13.630.153.450	15.789.850.836	17.787.565.348
Chi phí tài chính	22	6.4	(3.506.037.431)	(2.595.772.035)	(3.503.946.216)	(2.543.064.272)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	27.530.590.886	30.321.698.717	81.570.385.557	86.504.622.218
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.147.059.016	26.222.342.693	142.359.424.085	128.787.525.826
Thu nhập khác	31	6.5	7.102.043.937	7.762.948.267	27.762.286.516	24.454.512.699
Chi phí khác	32	6.6	916.330.652	2.267.628.030	2.327.393.591	3.494.829.099
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.185.713.285	5.495.320.237	25.434.892.925	20.959.683.600
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.332.772.301	31.717.662.930	167.794.317.010	149.747.209.426

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV (Dạng đầy đủ)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

Đơn vị: VND						
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	5.055.745.021	6.706.606.898	33.490.041.922	30.535.306.054
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		21.277.027.280	25.011.056.032	134.304.275.088	119.211.903.372
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	284	333	1.790	1.588

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Mạnh Duy

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC




Hoàng Trọng Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ IV (theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	854.128.685.384	721.548.718.988
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(351.665.084.177)	(302.408.917.912)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(153.992.871.555)	(153.772.518.616)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(28.470.477.848)	(29.798.368.674)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	64.769.859.902	26.527.803.029
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(83.972.959.897)	(75.920.671.574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	300.797.151.809	186.176.045.241
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(1.873.960.000)	(2.676.050.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	301.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(442.700.000.000)	(240.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	330.000.000.000	138.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(103.405.000.000)	(33.867.500.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.306.441.383	5.083.231.861
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(206.672.518.617)	(133.159.318.139)
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(75.090.795.400)	(74.999.401.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(75.090.795.400)	(74.999.401.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	19.033.837.792	(21.982.673.898)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.984.990.271	49.768.100.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	333.951.363	199.564.139
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	47.352.779.426	27.984.990.271

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Quỳnh

Vũ Mạnh Duy

Hoàng Trọng Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 27/10/2021, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Tổng số cổ phần của Công ty là 75.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh nông sản;
- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistic (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 610 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 công ty có 611 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính quý IV này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính quý IV này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý IV cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh quý IV thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.5 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính quý IV theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Giá trị nguyên vật liệu, CCDC

Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06-27 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05-12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06-20 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-13 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03-08 năm |

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

4.9 Chi phí trả trước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính quý IV theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 27 tháng 10 năm 2021 là 750.499.360.000 đồng và được chia thành 75.049.936 cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

4.15 Giá vốn

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT của Công ty đối với các đại lý tàu biển nước ngoài là 0%, các dịch vụ khác là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính quý IV có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	237.565.477	192.385.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.115.213.949	27.792.604.309
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	47.352.779.426	27.984.990.271

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	250.000.000.000	185.000.000.000
Cộng	250.000.000.000	185.000.000.000
b. Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	-	-
Cộng	-	-

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	62.368.345.445	171.232.797.526
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	62.368.345.445	171.232.797.526

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	10.866.305.257	(506.381.220)	41.127.775.260	(506.381.220)
Tạm ứng	525.269.311	-	658.428.788	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	506.381.220	(506.381.220)
Phải thu khác	9.834.654.726	-	39.962.965.252	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.866.305.257	(506.381.220)	41.127.775.260	(506.381.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5.5 Nợ xấu

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	8.802.788.238	-	10.038.043.032	-
- Từ 3 năm trở lên	8.802.788.238	-	10.038.043.032	-
Cty CP ĐT Cửu Long	-	-	-	-
Vinashin	-	-	-	-
Công ty CP Công Nghiệp Nặng Cửu Long	1.185.424.000	-	1.185.424.000	-
Công ty CP Tập đoàn Quang Minh	5.373.413.834	-	5.373.413.834	-
Khác	2.243.950.404	-	3.479.205.198	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.945.109.936	-	7.364.278.720	-
Phụ tùng và vật tư thay thế	32.377.084.901	-	31.015.022.391	-
Công cụ, dụng cụ	1.323.773.644	-	2.092.540.183	-
Cộng	40.645.968.481	-	40.471.841.294	-

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	36.524.577.499	36.489.821.105
Dự án kho bãi hàng hóa đổi thương lưu bến một	32.493.489.224	32.493.489.224
Dự án kho 4200m ² đổi trong bến một	2.298.399.091	2.298.399.091
Dự án khác	1.732.689.184	1.697.932.790
- Sửa chữa	76.792.402	370.368.720
Cộng	36.601.369.901	36.860.189.825

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	170.311.758.365	107.547.732.133	347.061.814.765	742.493.110	-	625.663.798.373
- Mua trong kỳ	-	334.037.038	1.379.629.630	37.000.000	-	1.750.666.668
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	9.038.058.886	78.957.000	-	9.117.015.886
- Giảm khác	505.674.996	-	5.376.024.461	-	-	5.881.699.457
Số dư cuối kỳ	169.806.083.369	107.881.769.171	334.027.361.048	700.536.110	-	612.415.749.698
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	126.156.809.447	99.671.618.772	276.287.071.744	599.993.902	-	502.715.493.865
- Khấu hao trong kỳ	4.834.806.948	6.511.590.390	18.269.563.489	68.824.997	-	29.684.785.824
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	9.038.058.886	74.223.825	-	9.112.282.711
- Giảm khác	505.674.996	-	5.376.024.461	-	-	5.881.699.457
Số dư cuối kỳ	130.485.941.399	106.183.209.162	280.142.551.886	594.595.074	-	517.406.297.521
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	44.154.948.918	7.876.113.361	70.774.743.021	142.499.208	-	122.948.304.508
Tại ngày cuối kỳ	39.320.141.970	1.698.560.009	53.884.809.162	105.941.036	-	95.009.452.177
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng						199.401.800.708

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	-	4.230.060.000	4.230.060.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4.230.060.000	4.230.060.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	-	4.210.143.739	4.210.143.739
- Khấu hao trong kỳ	-	19,916,261	19,916,261
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4,230,060,000	4,230,060,000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	19.916.261	19.916.261
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-
Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng			4.230.060.000

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	609.991.442.351	(17.144.211.273)	506.586.442.351	(20.763.755.284)
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	374.860.713.000	-	374.860.713.000	-
Quỹ đầu tư tăng trưởng BVIM	100.000.000.000	-	100.000.000.000	(3.077.524.231)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1.015.739.351	-	1.015.739.351	-
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	1.000.000.000	(129.300.000)	1.000.000.000	(17.700.000)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	29.709.990.000	(17.014.911.273)	29.709.990.000	(17.668.531.053)
Cty CP Vận tải và TM hàng không T&T	103.405.000.000	-	-	-
Cộng	612.198.656.123	(19.351.425.045)	508.793.656.123	(22.970.969.056)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
a. Ngắn hạn	2.330.467.352	2.064.377.512
Bảo hiểm tài sản	541.784.237	950.494.703
Thuê nhà kho	1.155.000.000	-
Chi phí trả trước khác	633.683.115	1.113.882.809
b. Dài hạn	19.282.331.025	26.039.919.171
Chi phí sửa chữa TSCĐ	13.613.503.539	19.393.800.516
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.668.827.486	6.646.118.655
Cộng	21.612.798.377	28.104.296.683

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	25.857.955.350	25.857.955.350	20.406.538.860	20.406.538.860
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	25.857.955.350	25.857.955.350	20.406.538.860	20.406.538.860

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2025 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.812.041.714	30.287.348.149	30.561.370.150	2.538.019.713
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	344.535.283	344.535.283	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.569.562.872	33.490.041.922	28.470.477.848	10.589.126.946
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	8.381.604.586	64.124.925.354	59.379.383.281	13.127.146.659
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	1.127.150.920	8.757.904.396	11.410.154.504	3.779.401.028
Thuế, phí khác	-	2.079.921.259	2.275.596.559	195.675.300
Cộng	1.127.150.920	10.837.825.655	13.685.751.063	3.975.076.328

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
a. Ngắn hạn	4.139.902.771	1.054.854.681
Khác	4.139.902.771	1.054.854.681
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4.139.902.771	1.054.854.681

5.15 Phải trả khác

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
a. Ngắn hạn	68.667.437.740	65.326.357.698
Kinh phí công đoàn	76.801.870	77.199.453
Cổ tức phải trả	31.153.932	72.013.332
Tiền thuê cơ sở hạ tầng	66.155.829.237	62.808.297.766
Khác	2.403.652.701	2.368.847.147
b. Dài hạn	-	-
Cộng	68.667.437.740	65.326.357.698

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ SH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	750.499.360.000	87.099.700.000	-	109.814.593.503	947.413.653.503
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	119.211.903.372	119.211.903.372
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(87.549.936.000)	(87.549.936.000)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	750.499.360.000	87.099.700.000	-	141.476.560.875	979.075.620.875
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	134.304.275.088	134.304.275.088
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	(88.799.936.000)	(88.799.936.000)
Số dư cuối kỳ	750.499.360.000	87.099.700.000	-	186.980.899.963	1.024.579.959.963

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Vốn góp của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	583.694.350.000	583.694.350.000
Vốn góp của đối tượng khác	166.805.010.000	166.805.010.000
Cộng	750.499.360.000	750.499.360.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	750.499.360.000	750.499.360.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	750.499.360.000	750.499.360.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	75.049.936.000	75.049.936.000

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.049.936	75.049.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	75.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.049.936	75.049.936
Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	75.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	195.998.329.658	196.056.755.580
Phí bốc xếp	126.324.139.565	134.091.820.838
Phí cầu bến	13.699.511.760	15.910.586.732
Tiền hàng hóa qua cảng	5.469.079.272	5.782.690.927
Tiền vận chuyển hàng	22.652.811.167	16.089.380.164
Lưu kho, bãi	8.728.265.176	7.773.725.192
Các dịch vụ khác	19.124.522.718	16.408.551.727

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Chi phí nhân công	51.632.060.776	54.934.986.113
Chi phí bốc xếp, lai dắt	40.150.251.319	36.460.860.112
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	26.391.481.523	30.082.272.055
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.233.472.422	1.904.801.076
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.538.011.911	8.979.029.517
Chi phí điện nước	2.056.887.009	2.270.708.332
Chi phí sửa chữa	5.207.186.190	5.197.625.269
Chi phí khác	15.154.558.863	15.908.357.181
Cộng	157.363.910.013	155.738.639.655

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.647.266.031	3.345.071.752
Lãi chênh lệch tỷ giá	82.002.959	51.210.498
Lãi trả chậm	-	-
Khác	1.807.923.836	10.233.871.200
Cộng	5.537.192.826	13.630.153.450

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	14.821.021
Lỗ chậm trả	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.506.037.431)	(2.610.593.056)
Cộng	(3.506.037.431)	(2.595.772.035)

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Thưởng làm tàu nhanh	6.450.763.564	7.704.874.214
Thu tiền phạt bồi thường	651.280.251	55.242.932
Các khoản khác	122	2.831.121
Cộng	7.102.043.937	7.762.948.267

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Các khoản khác	916.330.652	2.267.628.030
Cộng	916.330.652	2.267.628.030

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.530.590.886	30.321.698.717
Chi phí nhân viên	23.368.417.587	23.851.651.222
Chi phí khấu hao	78.756.603	120.844.962
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.725.511	213.299.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.752.108.247	3.104.422.097
Chi phí khác	1.190.837.732	3.031.480.729
Chi phí dự phòng	(1.235.254.794)	-
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	27.530.590.886	30.321.698.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
a. Chi phí SX, kinh doanh theo yếu tố	184.894.500.899	186.060.338.372
Chi phí nhân công	75.000.478.363	78.786.637.335
Chi phí bốc xếp lai dắt	40.150.251.319	36.460.860.112
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	26.391.481.523	30.082.272.055
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.312.229.025	7.454.536.546
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.913.737.422	9.192.329.224
Chi phí điện nước	2.056.887.009	2.270.708.332
Chi phí sửa chữa	5.207.186.190	5.197.625.269
Chi phí khác	18.862.250.048	16.615.369.499
Cộng	184.894.500.899	186.060.338.372

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ	208.637.566.421	217.449.857.297
Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	182.304.794.120	185.732.194.367
Chi phí không được trừ	-	1.815.371.560
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	26.332.772.301	33.533.034.490
Các khoản điều chỉnh	(1.054.047.195)	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN hiện hành	25.278.725.106	33.533.034.490
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.055.745.021	6.706.606.898
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.055.745.021	6.706.606.898

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21.277.027.280	25.011.056.032
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	75.049.936	75.049.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	284	333

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025 (VND)
Thu nhập của nhân sự chủ chốt	
Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	1.809.576.390
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	120.000.000
Lương, thưởng của Ban Kiểm soát	99.000.000
Cộng	2.028.576.390

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	1.776.925.578	312.416.879
Cộng	1.776.925.578	312.416.879

7.2 Sự kiện phát sinh sau

Đến ngày lập Báo cáo tài chính quý IV này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính quý IV của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Quý IV năm 2025 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV năm 2025 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý IV năm 2024 của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh thuyết minh một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho Báo cáo tài chính Quý IV/2024. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Thuyết minh Báo cáo tài chính đã được Công ty điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số liệu trên BCTC Quý IV.24	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
Thuyết minh Báo cáo tài chính				
6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố				
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.025.646.038	7.454.536.546	5.428.890.508	(*)
Chi phí khác	22.044.260.007	16.615.369.499	(5.428.890.508)	(*)

(*): Điều chỉnh lại thuyết minh do sai sót trong trình bày

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Quỳnh

Vũ Mạnh Duy

Hoàng Trọng Tùng